

MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NHẬN THỨC, THÁI ĐỘ VÀ HÀNH VI BÌNH ĐẲNG GIỚI CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG Ở MIỀN NÚI PHÍA BẮC HIỆN NAY

ĐẶNG ÁNH TUYẾT*

Học tập và vận dụng kiến thức về bình đẳng giới (BDG) vào cuộc sống là mối quan tâm của mỗi công dân và toàn xã hội, trong đó có các em học sinh. Trong nhóm xã hội trẻ tuổi, nhận thức, thái độ và hành vi BDG của học sinh trung học phổ thông (THPT) có ý nghĩa đặc biệt. Sau bậc học phổ thông, một bộ phận các em sẽ tiếp tục đi học trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học. Bộ phận còn lại sẽ ở nhà lao động và bước vào cuộc sống hôn nhân gia đình. Lối rẽ thứ hai rất dễ xảy ra, bởi lẽ miền núi phía Bắc là khu vực vùng sâu, vùng xa, có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống, tỷ lệ kết hôn sớm tương đối cao. Vì vậy, nếu như ở bậc học này các em thiếu kiến thức, hay có nhận thức sai lệch về BDG hoặc có tư tưởng định kiến giới, thiếu nhạy cảm giới thì sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới các mô hình hành vi về vai trò giới trong cuộc sống cũng như trong việc lựa chọn nghề nghiệp của mình. Chính vì vậy, nhu cầu tiếp cận một cách kịp thời, đầy đủ, toàn diện các kiến thức về BDG cũng như thay đổi thái độ và hành vi BDG của nhóm học sinh THPT có ý nghĩa thiết thực. Muốn làm được điều đó cần thiết phải chỉ ra được những nhân tố đang tác động đến nhận thức, thái độ và hành vi về BDG của học sinh THPT.

1. Nhận xét chung về nhận thức, thái độ và hành vi BDG của học sinh THPT ở miền núi phía Bắc

Phần lớn học sinh THPT ở miền núi phía Bắc đã được nghe/biết đến vấn đề BDG. Có 96,4% ý kiến cho biết đã được nghe đến khái niệm/hoạt động BDG, trong đó, nghe rất thường xuyên chiếm 17,7%, nghe thường xuyên chiếm 40,6% và nghe thỉnh thoảng 38%. So với kết quả cuộc điều tra Quốc gia về giới (2005) thì mức độ tiếp cận có tính chất khái niệm của đối tượng học sinh THPT đang cao hơn so với mức độ trung bình của người dân Việt Nam hiện nay.

Tuy nhiên, số học sinh nắm chắc về luật không cao, chỉ có 20,5% khẳng định có biết, 38% không biết và chỉ 5,6% học sinh nói chính xác được năm ra đời của Luật BDG. Ở quan niệm “*Phụ nữ và nam giới phải làm việc như nhau, nam làm gì nữ làm nấy*”, có một tỷ lệ không nhỏ ý kiến đồng ý (63,6%). Nhưng ở chỉ báo: *Con trai thường học giỏi hơn con gái*, chỉ có 3,7% ý kiến tán thành. Hay quan niệm *Con trai cần được ưu tiên học tập nhiều hơn con gái* thì tuyệt đại đa số ý kiến tỏ thái độ phản đối (96,3%). *Chồng có quyền dạy vợ, nam giới có quyền dạy phụ nữ*, kết quả cũng tương tự, có tới 80,9% ý kiến không tán thành. Nhưng ở chỉ báo *Con trai nghịch một chút cũng không sao* có 69,6 % ý kiến rất tán

* ThS.; Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

** Bài viết dựa trên số liệu điều tra “*Nhận thức, thái độ và hành vi bình đẳng giới của học sinh THPT ở miền núi phía Bắc*” do tác giả thực hiện năm 2007 - 2008, với 908 phiếu điều tra, 12 thảo luận nhóm và 24 phỏng vấn sâu tại 6 trường THPT thuộc tỉnh Sơn La, Lào Cai và Hà Giang.

thành và tán thành, tức là 69,6% các em có nhận thức về tính cách của con trai mang tính định kiến giới. Có gần 1/3 ý kiến học sinh cho rằng: *thiên chức của người phụ nữ là thực hiện các công việc nội trợ trong gia đình*. 44,2% ý kiến đồng ý *nam giới là người lo những việc lớn của gia đình*. Điều này gợi ý rằng, trên một số chỉ báo nhận thức về BĐG của học sinh đã có tiến bộ, tuy nhiên chưa có tính ổn định và đôi khi sự hiểu biết này chỉ mang tính bề nổi, thiếu chiều sâu. Quan niệm về BĐG của không ít các em còn thiếu chính xác, chưa đúng đắn so với mong đợi của xã hội cũng như tinh thần của Luật BĐG quy định.

Có tới 2/3 học sinh được nghiên cứu cho biết tiếp cận thông điệp BĐG với tâm thế chủ động, bản thân các em tự ý thức được vấn đề các em sẽ đón nhận. Đa số học sinh cho rằng thực hiện chính sách BĐG ở Việt Nam hiện nay là rất cần thiết (71,3%) và cần thiết (27,9%). Có 58,7% các em hoàn toàn ủng hộ việc thực hiện BĐG, 40,6% ủng hộ, chỉ có 0,3% không ủng hộ và 0,3% hoàn toàn không ủng hộ việc thực hiện BĐG. Đặc biệt là có tới 62,8% các em mong muốn được tăng thêm liều lượng trong học tập về BĐG, 33,9% cho rằng cần giữ nguyên và chỉ có 3,4% cho rằng cần giảm đi. Đúng từ cách tiếp cận: Mô hình ba cách thức tiếp cận về BĐG - Quyền BĐG, có thể thấy rằng đó là những dấu hiệu hết sức tích cực, thể hiện khả năng sẵn sàng của các học sinh trong việc tiếp nhận thực thi chính sách BĐG trong thực tế, có tín hiệu khả quan cho việc nâng cao nhận thức, thái độ và hành vi về BĐG của học sinh THPT.

Khi hỏi: *Lý do nào dẫn đến việc em quyết định bầu người đó vào vị trí cán bộ lớp/đoàn*, có tới 97,3% cho biết lý do là *vì bạn đó có thể làm tốt công việc được giao*. *Em thường đề cao bạn trai hay bạn gái trong lớp học?*, có tới 97,1% ý kiến cho rằng bản thân tôn trọng bạn bè không phụ thuộc vào giới tính của họ, chỉ có 1,8% ý kiến đề cao con trai hơn và 1,1% đề cao con gái hơn.

Về việc lựa chọn nghề nghiệp, nhóm nghề ít có tính khác biệt giới/nhạy cảm giới/định kiến giới nhất nhận được chỉ báo giá trị trung bình là 20,3%. Nhóm nghề có sự khác biệt giới/nhạy cảm giới/định kiến giới ở mức độ trung bình - những nghề mà phụ nữ và nam giới muốn tham gia cần phải có sự nỗ lực của cá nhân nhiều hơn, nhận được chỉ báo giá trị trung bình là 13,7%. Nhóm nghề nghiệp có sự nhạy cảm/khác biệt giới/định kiến giới rất mạnh mẽ, hoàn toàn thuộc về giới tính nào, sự tham gia của nam giới hay phụ nữ vào các nghề này dường như đã được xã hội ấn định sẵn, nhận được chỉ báo có giá trị trung bình lựa chọn là 1,8%. Kết quả này cho thấy, học sinh THPT đã biết gạt bỏ những định kiến giới trong việc lựa chọn nghề nghiệp tương lai của chính mình, biết ước mơ vươn tới những nghề nghiệp ổn định trong tương lai.

Như vậy, quá trình nhận thức, thái độ và hành vi BĐG của học sinh có những dấu hiệu tích cực, đã có bước chuyển từ nhận thức đến thái độ và hành vi. Tuy nhiên, nhận thức và thái độ BĐG của học sinh ở một số chỉ báo chưa có sự chuyển biến rõ rệt. Kiến thức về BĐG ở một số lĩnh vực còn mang tính chung chung, bề nổi, chưa đi vào chiều sâu, thiếu chính xác và ổn định, như nhận thức định kiến giới về nghề nghiệp, việc làm, tính cách, giá trị con cái, định kiến giới trong việc trao đổi các thông điệp về BĐG, hành vi giới trong bối cảnh cộng đồng... Ở một số hành vi có những dấu hiệu của bất bình đẳng giới, chẳng hạn, có tới 53,5% ý kiến thừa nhận bản thân có sự định kiến giới trong làm việc nhà, có 67%

định kiến giới trong ứng xử các mối quan hệ xã hội, 56% định kiến giới trong định hướng lựa chọn nghề nghiệp, 68,1% thích có con trai hơn con gái. Có thể nói, con đường đi tới mục tiêu BĐG đang có những tín hiệu lạc quan, tuy nhiên cần phải có thời gian và cả sự nỗ lực lớn của toàn xã hội.

2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức, thái độ, hành vi về BĐG của học sinh THPT ở miền núi phía Bắc

2.1. Ảnh hưởng của một số đặc điểm cá nhân của học sinh THPT

Kết quả nghiên cứu cho thấy, yếu tố giới tính là một trong những nhân tố tác động mạnh mẽ đến mức độ nhận thức, thái độ và hành vi về BĐG trong nhóm học sinh THPT ở miền núi phía Bắc. Mặc dù, nhóm học sinh nam có nhiều cơ hội và lợi thế hơn để tiếp cận thông tin về BĐG, được xã hội trông đợi nhiều hơn trong việc bày tỏ thái độ và thực hiện hành vi mang giá trị BĐG so với nhóm học sinh nữ, nhưng đa số các chỉ báo đều cho thấy nhóm học sinh nữ có mức độ quan tâm và khả năng nhận thức tốt hơn, thái độ ủng hộ rõ ràng và thực hiện hành vi mang giá trị BĐG tốt hơn so với nhóm học sinh nam. Phần lớn các chỉ báo đều ghi nhận mức độ trả lời/khẳng định của nữ học sinh luôn có xu hướng tích cực và cao hơn so với nhóm nam học sinh. Chẳng hạn, ở chỉ báo tiếp cận “rất thường xuyên” chỉ có 13,4% học sinh nam khẳng định, thì tỷ lệ này ở nhóm học sinh nữ là 21,1%. Nữ học sinh trong trường học THPT có hành vi tích cực hơn so với nam học sinh trong việc thực hiện trao đổi các thông tin về BĐG trong gia đình. Trong mối quan hệ trao đổi với mẹ, có 28,5% các em nữ học sinh thường xuyên trao đổi thông tin về BĐG, trong khi tỷ lệ này ở nam học sinh là 12,5%. Với công việc tham gia mua thức ăn cho gia đình với số lượng trên 5 lần/tháng, có 40% nữ học sinh thực hiện, trong khi tỷ lệ này ở nhóm học sinh nam là 28,3%.

Là một giáo viên dạy môn giáo dục công dân cho nên tôi cũng có chú ý quan sát các em ở khía cạnh giới. Nói chung tôi thấy thường là các em nữ có nhận thức tốt hơn, có sự ủng hộ mạnh hơn việc thực hiện BĐG. Khi quan sát chi tiết hơn tôi cũng thấy các em nữ có ý thức đấu tranh cho BĐG hơn (Nữ, giáo viên Hà Giang).

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, học lực của các em học sinh càng tốt thì mức độ nhận thức về các nội dung bình đẳng giới càng cao, thái độ ủng hộ thực hiện BĐG của các em càng cao, hành vi thực hiện BĐG trong bối cảnh nhà trường, gia đình và cộng đồng của các em càng tích cực. Ở chỉ báo tiếp cận “rất thường xuyên” với thông điệp BĐG có 22,0% nhóm học sinh có “học lực khá trở lên” khẳng định, thì ở các nhóm học lực “trung bình và dưới trung bình” chỉ đạt tỷ lệ tương ứng là 16,3% và 15,4%. Nhóm học sinh học lực khá trở lên trả lời biết chính xác thời gian Luật BĐG ra đời năm 2006 cao hơn nhóm các em có học lực trung bình và dưới trung bình với các tỷ lệ tương ứng là (10,1%; 3,3% và 0%). Ở mức độ “rất tán thành” với quan niệm: *Phụ nữ và nam giới có điều kiện, cơ hội ngang nhau để phát triển*, nhóm học sinh có học lực khá trở lên có tỷ lệ trả lời là 97,4%, trong khi đó nhóm có học lực trung bình và dưới trung bình có tỷ lệ tương ứng là (93,5% và 90,2%). Điều này cũng hoàn toàn đúng với thực tế và cách giải thích của lý thuyết xã hội hoá. Khi con người ta có kiến thức vững vàng thì càng có nhu cầu hiểu biết về những vấn đề cụ thể một cách sâu sắc hơn, có thái độ tích cực và có quyết tâm hơn trong việc thực hiện các hành vi được xã hội mong đợi.

Tôi nhận thấy đúng là các em có học lực tốt thì các em cũng có ý thức quan tâm đến vấn đề bình đẳng nam nữ. Vì các em nhận thấy những giá trị của nó là rất lớn, cũng như sự ảnh hưởng tiêu cực của sự bất BĐG đối với con người và xã hội. Bản thân các em học tốt, sẽ chăm chú và có cơ hội nhiều hơn để tiếp thu các kiến thức về BĐG (Nam, giáo viên Lào Cai).

Yếu tố thành phần dân tộc cũng có xu hướng quy định khả năng hiểu biết, sự bày tỏ thái độ và thực hiện hành vi BĐG trong thực tế của các em. Nếu chỉ có 70,1% học sinh dân tộc thiểu số đồng ý với việc “*học sinh nữ và học sinh nam cùng chơi một trò chơi*” thì tỷ lệ này ở nhóm học sinh dân tộc Kinh là 79,0%. Nhóm học sinh dân tộc thiểu số có xu hướng thể hiện tâm thế ý thức tốt hơn so với nhóm học sinh là người dân tộc Kinh. Chẳng hạn, ở chỉ báo: chủ động ý thức đón nhận thông điệp BĐG, chỉ có 59,1% các em dân tộc Kinh khẳng định, trong khi tỷ lệ này ở nhóm học sinh dân tộc thiểu số là 67,6%.

Tuy nhiên, so với yếu tố giới tính và học lực thì yếu tố dân tộc ảnh hưởng mang tính thiếu nhất quán, không thường xuyên và không có quy luật rõ ràng. Cụ thể là, ở khía cạnh cơ hội tiếp cận với các thông điệp BĐG thì các em học sinh dân tộc Kinh có nhiều cơ hội hơn các em dân tộc thiểu số, nhưng ở khả năng nhận thức thì có nội dung học sinh dân tộc thiểu số thể hiện tốt hơn học sinh dân tộc Kinh, ngược lại có những lĩnh vực kiến thức về BĐG của học sinh dân tộc thiểu số lại kém hơn dân tộc Kinh. Mặc dù, nhìn chung học sinh dân tộc Kinh có khả năng nhận thức về BĐG tốt hơn học sinh dân tộc thiểu số, nhưng các em học sinh dân tộc thiểu số lại có thái độ BĐG một cách rõ ràng, mạnh mẽ hơn. Đối với hành vi BĐG, trong quá trình phân tích yếu tố dân tộc dường như không có sự ảnh hưởng lớn đến thực hiện hành vi BĐG của các em học sinh trong bối cảnh nhà trường, gia đình và cộng đồng. Điều này hết sức khó lý giải nếu không có sự vận dụng một cách tổng hợp của nhiều lý thuyết để phân tích. Rõ ràng là trong nhận thức và thái độ BĐG của các em học sinh đang chịu sự ảnh hưởng rất lớn từ những đặc trưng tâm sinh lý và bối cảnh môi trường sống, học tập của các em trong tương quan về dân tộc.

2.2. Yếu tố phong tục, tập quán, điều kiện kinh tế - xã hội

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 81,9% các em học sinh khẳng định nhận thức, thái độ và hành vi BĐG của bản thân đang bị các phong tục, tập quán lạc hậu cản trở; 64,2% các em cho rằng các tổ chức, cộng đồng chưa quan tâm đúng mức đến việc giáo dục BĐG cho học sinh. Các địa phương ở miền núi phía Bắc vẫn còn bị ảnh hưởng khá nặng nề bởi các quan niệm, lối sống, thói quen, tâm lý lạc hậu trong một bộ phận dân cư, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số. Họ chưa thực sự nhận thức đầy đủ và đúng đắn cũng như chưa thực sự coi trọng việc giáo dục BĐG cho thế hệ trẻ; đặc biệt vẫn tồn tại tâm lý trọng nam khinh nữ, đàn bà phải làm việc nhà, người con dâu không được tham gia các quyết định trong gia đình, con gái không cần học cao mà phải lấy chồng sớm... Nếu so với mức độ trung bình trong cả nước, phong tục, tập quán và điều kiện kinh tế - xã hội của miền núi phía Bắc đang có mức độ khó khăn hơn nhiều, do đó cũng làm cản trở quá trình thực hiện BĐG nhiều hơn.

Đối với nhiều dân tộc ít người, bất bình đẳng ăn sâu vào tiềm thức đến độ người ta quan niệm phụ nữ chỉ cần biết lo việc nương rẫy và cuộc sống gia đình không cần phải học nhiều, thậm chí không cần biết chữ, còn nam giới thì “lơ” uống rượu, vui chơi thậm chí là hút thuốc phiện... Đáng tiếc là, thực trạng đáng buồn này lại không chỉ có riêng ở

Sơn La mà xuất hiện ở khá nhiều tỉnh miền núi phía Bắc. Chính hủ tục tảo hôn, mê tín dị đoan và phân biệt giới đang gây ảnh hưởng tiêu cực tới cuộc sống và học tập của học sinh, đặc biệt là nữ sinh (Nữ, giáo viên Sơn La).

2.3. Sự quan tâm và khả năng của gia đình đến việc giáo dục BGD cho con cái

Lẽ ra, giáo dục BGD là một trong những nội dung quan trọng của thiết chế gia đình. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này, có nhiều gia đình ở miền núi phía Bắc còn thờ ơ, chưa quan tâm, thiếu phương pháp, còn có tâm lý lúng túng trong việc giáo dục BGD cho con cái. Đặc biệt là trong các gia đình dân tộc thiểu số, vẫn còn tồn tại nhiều quan niệm lạc hậu, đời sống kinh tế khó khăn, tình trạng bất BGD càng nặng nề. Các em học sinh khó có thể có được nhận thức, thái độ và hành vi về BGD đúng đắn trong một môi trường gia đình như thế, trái lại các em học được những điều bất BGD từ gia đình. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mức độ học sinh tiếp cận kiến thức về BGD từ phía gia đình còn rất thấp. Chỉ có 48,9% ý kiến cho biết kiến thức về BGD có được là từ tác động của gia đình và có tới 65% ý kiến cho biết gia đình không quan tâm đến việc tuyên truyền, giáo dục BGD cho con cái.

Tôi chỉ biết làm việc ở ngoài đồng thôi, chứ cái BGD này nọ thì không biết đâu. Có gì thì cứ phải nhờ thầy cô giáo trong trường thôi (Nữ phụ huynh, dân tộc thiểu số).

Mặt khác, những thông tin từ nghiên cứu định tính cho thấy, việc giáo dục về BGD cho con cái của bố mẹ còn ít được các bậc cha mẹ quan tâm và nếu có thì thiếu chiều sâu, phiến diện và mang tính chung chung không có phương pháp. Một số phụ huynh rất quan tâm, nhận thấy được vai trò cần thiết của việc giáo dục BGD cho con cái trong gia đình, nhưng lại thiếu kiến thức về BGD. Hay còn có một số ý kiến quan niệm là rất khó để thực hiện BGD trong gia đình hay giáo dục BGD sẽ làm đảo lộn tôn ty trật tự trong gia đình, trái với thuần phong mỹ tục, tập quán của cha ông. Có nhiều phụ huynh khác thì cho biết, họ không được tổ chức xã hội nào tập huấn và đang rất thiếu các nguồn thông tin, tài liệu hướng dẫn để tham khảo, giúp họ có kiến thức và phương pháp giáo dục BGD cho con cái. Đây chính là những nguyên nhân quan trọng đang làm hạn chế vai trò ảnh hưởng của gia đình đến nhận thức về BGD của học sinh THPT.

Theo ý kiến chủ quan của bản thân tôi thì thế này, cái mức độ ảnh hưởng nhiều nhất đến các em chính là gia đình. Bởi thực tế tôi là giáo viên ở đây nhưng nếu có quản lý được học sinh thì cũng chỉ quản 4 - 5 tiếng đồng hồ thôi. Còn lại 19 tiếng các em sẽ làm việc nhà rồi tham gia các quan hệ xã hội. Chính vì thế mà ở gia đình nếu có bố mẹ mà có vấn đề gì xảy ra mang tính chất bất BGD hay bạo lực thì nó sẽ tác động nhiều nhất đến các em. Ví dụ như ông bố gia trưởng, bạo lực, nghiện ngập, rượu chè... thì rõ ràng vấn đề BGD của các em sẽ rất khác so với những gia đình bình thường (Nữ, giáo viên Sơn La).

Nghề nghiệp của bố mẹ cũng có ảnh hưởng quan trọng đến việc nâng cao nhận thức BGD cho con cái. Học sinh có bố mẹ là cán bộ viên chức luôn quan tâm giáo dục BGD cho con cái tốt hơn những học sinh có bố mẹ làm nghề nông nghiệp hay buôn bán dịch vụ. Họ cũng có những động thái về sự quan tâm và biết cách giáo dục các kiến thức về BGD cho con em mình nhiều hơn so với các bậc cha mẹ tham gia những công việc, ngành nghề khác.

Bố mẹ em đều là giáo viên cả. Mẹ em luôn dạy em về BĐG, mẹ em bảo không nên đối xử bất bình đẳng với các bạn gái, em gái. Vì con trai, con gái đều là con người, mà là con người cần phải được đối xử công bằng (Nữ học sinh, dân tộc thiểu số).

Thừa nhận gia đình chưa có đủ khả năng giáo dục BĐG cho con em mình, phần lớn các ý kiến của phụ huynh học sinh đều mong muốn nhà trường đóng vai trò tích cực và chủ động hơn trong việc giáo dục BĐG cho học sinh.

Giáo dục và nâng cao kiến thức về BĐG cho con em trong gia đình là vấn đề mà chúng tôi rất quan tâm. Nhưng nói thật là rất khó khăn không có nhiều kiến thức và thời gian. Nên rất mong nhà trường sẽ dạy các cháu thật nhiều về BĐG. Đây là nhân tố để các cháu phát triển toàn diện, tạo nền tảng bền vững cho việc xây dựng gia đình hạnh phúc (Nam phụ huynh, dân tộc Kinh).

2.4. Sự ảnh hưởng của thầy cô giáo và hoạt động lồng ghép giới

Kết quả nghiên cứu cho thấy, cán bộ quản lý của ngành giáo dục và phần lớn giáo viên đã nhận thức được tầm quan trọng và có sự quan tâm đến vấn đề thực hiện BĐG trong trường học, nhất là vấn đề giáo dục lồng ghép giới trong các nhà trường THPT.

Rất quan trọng thứ nhất là cho các em nhận thức được vai trò của mình. Giới nam thì lẽ dĩ nhiên rồi còn giới nữ họ để học sinh tự nhận thức được về vị trí thực sự quan trọng của các em, còn các em phải tự tin hơn trong cuộc sống, trong công việc, nhất là tương lai của các em. Giáo dục và giúp các em về BĐG là cần thiết (Nam, cán bộ Sở giáo dục và Đào tạo Hà Giang).

Trong những năm qua ngành giáo dục - đào tạo đã có những quan tâm đến việc giáo dục BĐG cho học sinh THPT ở khu vực miền núi phía Bắc. Bộ Giáo dục - Đào tạo và Ủy ban Dân số - gia đình và trẻ em (nay là Bộ Y tế) đã triển khai Dự án giáo dục, dân số, sức khỏe, sức khỏe sinh sản và BĐG (gọi tắt là giáo dục kỹ năng sống) trong các trường THPT ở miền núi phía Bắc. Tính đến tháng 10/2005 đã cơ bản hoàn thành tập huấn cho 390 giảng viên cấp tỉnh, 1.010 cán bộ quản lý và 8.619 giáo viên các trường THPT¹. Mục tiêu của Dự án là thực hiện phương pháp giáo dục lồng ghép kỹ năng sống, trong đó đạt mục tiêu vấn đề BĐG, bao gồm cung cấp kiến thức, thái độ và kỹ năng để học sinh xác định vai trò, vị trí của nam giới và nữ giới đều như nhau trong xã hội; đồng thời nhận thức được giá trị của bản thân, tôn trọng giá trị của nữ cũng như nam và biết cách giao tiếp có hiệu quả, biết đề ra những quyết định đúng đắn trong học tập và phấn đấu làm chủ gia đình và xã hội trong tương lai. Tuy nhiên, hiệu quả thực hiện của Dự án này chưa đạt yêu cầu mong muốn:

Nội dung giáo dục BĐG trong nhà trường THPT như hiện nay là không toàn diện và khó có thể đạt được hiệu quả như mong muốn. Khi học sinh nam ở những nơi này và nam giới nói chung không được thụ hưởng việc giáo dục về kỹ năng sống, thì sẽ khó có cơ hội bình đẳng để nghe và học hỏi lẫn nhau, để tạo ra môi trường học tập, vui chơi thân thiện giữa em gái và em trai. Đó là chưa kể đến các vấn đề xã hội nảy sinh từ xã hội hiện đại như sức khỏe sinh sản, HIV/AIDS, BĐG trong cuộc sống... đều cần phải rèn kỹ năng học

¹ Báo Giáo dục và Thời đại ngày 3/4/2006

hỏi cho cả học sinh nam và học sinh nữ để họ biết ra quyết định và giải quyết vấn đề đúng đắn (Nữ, cán bộ nghiên cứu về giới và gia đình).

Nghiên cứu còn phát hiện ra rằng, nhà trường dường như vẫn còn đang xuất hiện những dấu hiệu của sự bất BĐG mà nguyên nhân là do các thầy cô giáo còn thiếu kiến thức và phương pháp giáo dục về giới, BĐG cho học sinh. Có 75,3% ý kiến cho biết, nhà trường đang gặp khó khăn việc thực hiện lồng ghép giới do thiếu giáo viên được đào tạo, tập huấn về BĐG. Bên cạnh đó, một số giáo viên chưa có nhận thức thực sự đầy đủ nên chưa coi việc tuyên truyền, giáo dục BĐG cho học sinh như một nhiệm vụ quan trọng. Số liệu khảo sát còn cho biết, có 65,4% ý kiến khẳng định, phương pháp giáo dục về BĐG trong nhà trường chưa thích hợp với đối tượng được tiếp nhận và việc giáo dục BĐG chưa được thực hiện một cách đầy đủ và rất khác nhau giữa các trường học. Kết quả khảo sát cho thấy, có 74% ý kiến khẳng định đang rất thiếu tài liệu học tập, tiếp thu kiến thức về BĐG; 73,1% ý kiến trả lời việc giáo dục BĐG trong trường học còn thiếu thời gian. Thực tế này dẫn tới hệ quả là chỉ có 36,8% học sinh khẳng định, thường xuyên trao đổi với thầy cô giáo những kiến thức liên quan đến BĐG.

Theo tôi thì mức độ đưa vấn đề BĐG vào trong nhà trường hiện nay là chưa nhiều. Chủ yếu mới thông qua các hoạt động ngoại khóa như kỷ niệm ngày 8/3, 26/3 và 20/20. Chỉ những trường có điều kiện thuận lợi thì mới tổ chức được, còn những trường khó khăn thì không tiến hành được. Như vậy các em học sinh ở những trường này sẽ không có cơ hội để nắm bắt kiến thức về BĐG. Theo tôi nó rất quan trọng cho cuộc sống của các em sau này... (Nữ 38 tuổi, cán bộ Sở Giáo dục & Đào tạo Sơn La).

Không những vậy, cá biệt có thầy cô giáo còn thể hiện sự định kiến giới trong quá trình giảng dạy định hướng nghề nghiệp cho các em.

Và cái thứ hai là lớp học ấy, mà các em học sinh nam thì các em thi vào chuyên toán, lý, hoá. Các lớp văn sử, lớp địa thì phần lớn là các em nữ. Kiểu như thế là bất BĐG. Đây là một cái hướng nghề nghiệp không phù hợp và có sự tác động của các nhà trường (Nữ giáo viên, Sơn La).

Dường như các thầy cô giáo và nhà trường còn có cách nhìn học sinh với tư cách là nhóm người được, cần và phải được cung cấp tri thức, trong đó có tri thức về BĐG hơn là với tư cách là người bạn đồng hành để có thể gần gũi và chia sẻ bất kỳ vấn đề gì khi các em có nhu cầu. Mặt khác, các trường THPT ở miền núi phía Bắc cũng còn gặp khó khăn về tài chính, sự phối kết hợp chưa tốt của các tổ chức chính trị - xã hội tại các địa phương như: Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ... cũng là những khó khăn của nhà trường trong việc triển khai lồng ghép giới ở hoạt động ngoại khóa.

Đôi khi muốn tổ chức một buổi ngoài giờ muốn mời một người tư vấn cho bên ngoài như cán bộ Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ trên địa bàn nhưng mình lại không có điều kiện kinh tế hay sự sẵn sàng hợp tác của người ta. Điều này làm cho hoạt động lồng ghép giới thông qua ngoại khóa còn đơn điệu và không hiệu quả (Nam giáo viên, 50 tuổi).

2.5. Sự ảnh hưởng của sách giáo khoa (SGK):

Sách giáo khoa là công cụ chính phục vụ giảng dạy và học tập trong hệ thống trường học phổ thông. Đây là những công cụ để chuyển tải tri thức, kinh nghiệm, giá trị và sự kỳ

vọng của xã hội trong môi trường học đường, trong đó có vấn đề BDG. Tuy nhiên, thông qua một số công trình nghiên cứu cho thấy, hệ thống SGK từ bậc tiểu học đến THPT ở Việt Nam góp phần tạo điều kiện và củng cố thêm sự khác biệt về giới thêm trầm trọng. Một số nghiên cứu gần đây (UBQGVSTBPN 2000 - 2004; Nguyễn Thị Minh Tú, 2001; Kim Văn Chiến, 2004, Tạp chí KHPN số 1; (Ngân hàng Thế giới và Liên hợp quốc tại Việt Nam, 2005); Ngân hàng thế giới, 2006; Ngô Tuấn Dung, 2007; Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học, 2007) đều khẳng định: Trong quá trình phân tích hình ảnh, khuôn mẫu định kiến giới phản ánh trong SGK trong hệ thống giáo dục phổ thông, đều chia sẻ quan điểm rằng việc giáo dục kiến thức giới tính cho trẻ em là rất cần thiết nhưng nếu cung cấp, giáo dục cho trẻ em những hình ảnh mang tính chất khuôn mẫu, định kiến giới sẽ rất nguy hại. Còn tồn tại khuôn mẫu, định kiến giới truyền thống, thể hiện khác biệt về vai trò, tính cách, tình cảm, vị thế, phạm vi, không gian hoạt động nghề nghiệp, xã hội của nam nữ, thiếu vắng hình ảnh mới, tích cực về phụ nữ, bất cân đối trong cơ cấu tác giả biên soạn. SGK có khuynh hướng trình bày cho học sinh các hình ảnh, vai trò nam và nữ theo hướng phản ánh quá khứ hơn là hiện tại và tương lai. Các bài học ở trong SGK được thể hiện theo xu hướng thúc đẩy hoặc hợp pháp hóa các vai trò mang tính định kiến, khuôn mẫu giới và tách biệt giới. Các nghiên cứu này cho rằng, sự định kiến giới trong SGK xảy ra ở cả hai hệ thống môn học: tự nhiên và xã hội. Tuy nhiên, SGK ở các môn học xã hội có khuynh hướng truyền tải những sự khác biệt về giới nhiều hơn, góp phần gây ra nhận thức, thái độ và hành vi bất bình đẳng của các em học sinh ở hiện tại cũng như tương lai lựa chọn nghề nghiệp, ứng xử các mối quan hệ trong gia đình và ngoài xã hội.

Tôi lấy ví dụ thực tế cho thấy sách văn học lớp 12 tập 1 cho thấy sự mất cân đối về sự xuất hiện hình ảnh của nhân vật nam và nữ. Trong số nhân vật, nam giới chiếm nhiều hơn, còn nữ giới chỉ bằng khoảng 1/2 nam giới mà thôi. Các nghề nghiệp được xã hội đề cao như: kỹ sư, bác sĩ, nhà báo, luật sư... nam giới hầu như chiếm tuyệt đối, còn nữ giới thì rất ít. Theo tôi chính sự định kiến giới trong sách giáo khoa đã góp phần dẫn đến sự định kiến giới, nhận thức sai lệch về giới của các em học sinh. Và như vậy, BDG chưa trở thành nhân tố quan trọng của quan điểm tư duy đánh giá về chất lượng, gắn với việc cải thiện chất lượng SGK. Bởi vậy, sách giáo khoa đang vô tình khắc sâu vào những định kiến giới sẵn có trong xã hội (Nam, cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Hà Giang).

2.6. Yếu tố truyền thông đại chúng

Vấn đề nâng cao nhận thức, thái độ và thay đổi hành vi về BDG cho các nhóm xã hội, trong đó có học sinh THPT đã được phần lớn các phương tiện TTĐC, cơ quan báo chí của Trung ương và địa phương quan tâm đề cập trong những năm qua. Đây là một nguyên nhân quan trọng của các thành công trong lĩnh vực hoạt động BDG của từng địa phương và cả nước, góp phần nâng cao nhận thức, thái độ và hành vi BDG của học sinh THPT. Kết quả nghiên cứu cho biết, đối tượng học sinh THPT ở miền núi phía Bắc đang được cập nhật, thông tin kiến thức về BDG từ rất nhiều nguồn, cách thức khác nhau... từ TTĐC. Có 86,9% học sinh biết kiến thức về BDG qua truyền hình và đài tiếng nói; 76,8% biết qua sách báo, tạp chí và 32,6% biết qua mạng internet. Kết quả nghiên cứu cho thấy, những thông điệp về BDG trên ti vi, internet, đặc biệt là việc lồng ghép vào các chương trình giải trí, ca nhạc, văn hóa, thể thao... đang có những ảnh hưởng tích cực đến nhận thức, thái độ và hành vi BDG của các em học sinh.

Em nghĩ là thu được rất nhiều thông tin bổ ích trên truyền hình, hay trong mạng internet. Nhiều kiến thức không có trong sách nên em hay vào mạng để tìm. Em thấy cách thức lồng ghép BGD với các chương trình giải trí, trò chơi rất hay. Em có kiến thức thì tìm hiểu về BGD do trường tổ chức vừa rồi là chủ yếu em lấy từ mạng thôi (Nữ, học sinh dân tộc Kinh).

Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn không ít các thông điệp, chương trình TTĐC khắc sâu thêm sự định kiến giới vốn sẵn có trong xã hội, nhất là các thông điệp, chương trình liên quan đến quảng cáo, vui chơi, giải trí...

Tôi cũng hay xem quảng cáo trên truyền hình. Hình ảnh gây ấn tượng cho tôi chính là hình ảnh người phụ nữ, ở độ tuổi 20 - 30 và hình ảnh nam giới không gây ấn tượng nào cho tôi cả. Hình ảnh người phụ nữ được đưa ra trong quảng cáo luôn là những người nội trợ thuần túy và chỉ với các sản phẩm phục vụ cho công việc nội trợ. Cái này tôi nghĩ là người lớn thì cũng không sao lắm, nhưng còn các cháu thì sẽ không tốt, vì dễ bị lệch lạc lắm (Nam, phụ huynh, dân tộc Kinh).

Như vậy, có thể nói mặc dù có những hạn chế nhất định, tuy nhiên vai trò của các phương tiện TTĐC đang có ảnh hưởng rất quan trọng đến nhận thức, thái độ và hành vi về BGD của học sinh THPT ở miền núi phía Bắc. Vấn đề đặt ra ở đây là TTĐC cần phải được kiểm soát và có tính định hướng.

2.7. Yếu tố truyền thông trực tiếp

So với TTĐC thì mức độ tác động của các kênh truyền thông trực tiếp luôn có ảnh hưởng thấp hơn trong việc giúp học sinh THPT nắm bắt kiến thức về BGD. Chỉ có 22,7% các em khẳng định vai trò của pano/apich/tờ rơi tác động đến nhận thức, thái độ và hành vi BGD. Tỷ lệ khẳng định thông qua câu lạc bộ chiếm 9,2%; cán bộ đoàn thể xã hội chiếm 24,1%; các buổi biểu diễn, hội thi chiếm 23,1%; bạn bè đồng lứa là 41,5%. Sở dĩ so với TTĐC, mức độ ảnh hưởng của truyền thông trực tiếp đến nhận thức, thái độ và hành vi BGD của học sinh THPT ở miền núi phía Bắc rất thấp, có thể do hai lý do. Một là sự kém phát triển và chưa quan tâm chuyển tải thông điệp về BGD thông qua các kênh truyền thông trực tiếp; hai là các học sinh ở miền núi phía Bắc chưa nhận được quan tâm đến việc nâng cao kiến thức, thay đổi thái độ và hành vi về BGD thông qua các kênh truyền thông trực tiếp.

Chủ yếu những hiểu biết của em về BGD là do em thu nhận được ở trên ti vi và từ các thầy cô giáo giảng dạy trong nhà trường. Còn ở địa phương em có đi sinh hoạt Đoàn thanh niên nhưng không ai đề cập đến chủ đề này cả (Nữ học sinh, dân tộc thiểu số).

Trong truyền thông trực tiếp thì kênh bạn bè/đồng đẳng có sự ảnh hưởng mạnh mẽ nhất. Bởi vì, sự bắt chước hay hưởng ứng những hành vi trong nhóm bạn đồng trang lứa thường rất phổ biến và có sức lan tỏa nhanh trong nhóm lứa tuổi học sinh. Các em sẽ dễ dàng cùng nhau trao đổi, chia sẻ những hiểu biết, mối quan tâm về các vấn đề BGD hơn so với một số kênh truyền thông trực tiếp khác. Có 41,5% ý kiến khẳng định sự ảnh hưởng đến nhận thức, thái độ và hành vi BGD thông qua hình thức giao tiếp này. Trong đó, có 35% ý kiến cho biết thường xuyên trao đổi với bạn bè về BGD; 51,9% ý kiến cho biết thỉnh thoảng trao đổi. Có thể nói, mặc dù truyền thông trực tiếp không tạo ra cơ hội tiếp

cận cho đông đảo học sinh, nhưng cùng với sự lồng ghép giảng dạy giới trong nhà trường, nó là nhân tố có khả năng làm thay đổi thái độ và hành vi BĐG của các em.

Em cảm thấy trao đổi với bạn cùng giới về những vấn đề riêng tư có cái dễ hơn. Nhóm bạn của em có ba người chơi rất thân với nhau. Bọn em không chỉ giúp nhau trong học tập mà còn giúp nhau nhận thức và làm được nhiều điều tốt hơn cho nhau trong cuộc sống (Nữ, học sinh dân tộc Kinh).

Thực trạng nhận thức, thái độ và hành vi về BĐG của học sinh THPT đang chịu sự quy định của tổ hợp cộng hưởng bởi nhiều nhân tố như cơ hội tiếp cận truyền thông; gia đình; nhà trường, cộng đồng và chính bản thân các em. Vì vậy, làm thế nào để nâng cao nhận thức, thái độ và thay đổi hành vi BĐG của học sinh THPT trong điều kiện Việt Nam hiện nay đòi hỏi phải có một hệ thống giải pháp phù hợp và khả thi.

Tài liệu tham khảo:

1. Trần Văn Anh – Lê Ngọc Hùng, *Phụ nữ Giới và phát triển*, Nxb. Phụ nữ, H.2001.
2. Ngô Thị Tuấn Dung (2007), Khuôn mẫu, định kiến giới trong sách giáo khoa THPT – Một số vấn đề đặt ra, số 6, trang 3. Tạp chí Gia đình và giới.
3. Đặng Cảnh Khanh – Lê Thị Quý, *Gia đình học*, NXB Lý luận Chính trị, HN 2007.